

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
người nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh.

2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 5 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đoàn Thị B trình bày:

Bà B và bị đơn là ông Phạm Ngọc H tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 11/12/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ để sống chung tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai vợ chồng đều có nghề nghiệp ổn định, ông H

làm tài xế lái xe du lịch, bà B buôn bán bánh tráng trộn nên đời sống vợ chồng hạnh phúc. Năm 2019, ông H nghỉ việc do người chủ bán xe ô tô cho người khác. Từ đó ông H tụ tập bạn bè uống rượu thường xuyên, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn. Đầu năm 2020, vợ chồng, con cái chuyển về nhà mẹ chồng tại tổ A, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Trong thời gian sống chung tại nhà chồng, ông H không lo làm ăn để phụ giúp cho bà B nuôi con nhưng thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu đến mức không kiểm soát được bản thân. Do điều kiện kinh tế khó khăn, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình chồng giữa bà B và mẹ chồng nên không thể sống chung lâu dài. Cuối năm 2020, bà B đã bế con chung Phạm Thanh P, sinh ngày 10/11/2018 về quê mẹ ruột tại huyện L, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống. Từ khi bế con về quê đến nay, ông H không quan tâm đến vợ con, ông H không liên lạc để hỏi thăm con, không đến Vĩnh Long thăm con dù chỉ một lần, ông H còn chặn số liên lạc của bà B nên bà B không thể gọi điện thoại cho ông H. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục sống chung nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Ngọc H. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Thanh P, sinh ngày 10/11/2018 và tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022, bị đơn là ông Phạm Ngọc H xác định quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà B đã khai trước Tòa là đúng. Ông H cho rằng, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ khi còn sống chung và ở trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên nhân ông H thất nghiệp, không có thu nhập nên vợ chồng bất hòa và cùng đưa nhau về gia đình cha mẹ ông H tại xã L, huyện B sinh sống, làm ăn. Do bà B mâu thuẫn với mẹ chồng nên bồng con bỏ về quê mẹ ruột tại Vĩnh Long từ năm 2021 đến nay. Ông H vẫn mong muốn bà B trở về đoàn tụ gia đình, không muốn ly hôn nhưng trường hợp bà B quyết tâm ly hôn chồng thì ông H đồng ý. Ông H thống nhất, khi ly hôn giao con chung là cháu Phạm Thanh P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung, nợ chung ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương xác định vợ chồng ông H, bà B không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà B chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Tòa án, Thẩm phán, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án đã thực hiện đầy đủ các

thủ tục của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án, bị đơn Phạm Ngọc H không đến Tòa án tham gia phiên họp, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đã có văn bản nêu rõ quan điểm của mình về vụ án, đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Ngọc H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì khác. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị B đối với ông Phạm Ngọc H, giao con chung Phạm Thanh P, sinh ngày 10/11/2018 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Phạm Ngọc H, cư trú tại Tổ A, Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là ông Phạm Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó ông H đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Bà Đoàn Thị B và ông Phạm Ngọc H, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60 ngày 11/12/2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Cả ông H, bà B đều thừa nhận, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ khi còn sống chung tại Thành phố Hồ Chí Minh và kéo dài nhiều năm từ năm 2018 đến năm 2021 không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân: Do ông H không có việc làm nên thường xuyên tụ tập uống rượu với bạn bè, không quan tâm, bỏ mặc bà B tự kiếm tiền nuôi con, quán xuyến gia đình. Trong thời gian sống chung gia đình chồng tại xã L, huyện B,

tỉnh Bình Dương giữa bà B và mẹ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột vì việc làm, kinh tế, thu nhập của vợ chồng bà B, ông H quá khó khăn. Bà B đã đưa con về Vĩnh Long sống ly thân ông H từ năm 2021 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài khi mục đích hôn nhân giữa vợ và chồng không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B xin ly hôn ông H là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Bà Đoàn Thị B và ông Phạm Ngọc H có con chung duy nhất là cháu Phạm Thanh P, sinh ngày 10/11/2018 hiện đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông H trình bày tại bản tự khai đồng ý để bà B tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, ông H hiện chưa có việc làm ổn định, việc nuôi con chung không thuận lợi hơn so với bà B, do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của người chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu P cho bà B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Đoàn Thị B phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59,, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với ông Phạm Ngọc H;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị B được ly hôn với ông Phạm Ngọc H.

1.2. Về người trực tiếp nuôi con chung: Bà Đoàn Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Phạm Thanh P, sinh ngày 10/11/2018.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Ông Phạm Ngọc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông H lợi dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở cho việc bà B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông H.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu Phạm Thanh P, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/ 0010012 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

